TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** TỈNH QUẢNG NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 20/2018/HSST
Ngày 26-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ- TỈNH QUẢNG NAM

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tình.
2. Ông Trần Tiến Cường.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Chí Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa***: Ông Võ Tấn Triệu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và ngày 26 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/TLHS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/QĐXXST-HS ngày 12-3-2018 đối với các bị cáo:

1/ **Lê Nguyễn P**, (tên gọi khác: H), sinh ngày 20 tháng 4 năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực 5, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi ở hiện nay: Khối phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Lê Văn P, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29-8-2014, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong bản án ngày 05-5-2015, đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 16-11-2017.

2/ **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh ngày 30 tháng 4 năm 1961; nơi cư trú hiện nay: Khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Xuân Q và bà Trần Thị A; có chồng tên là Trần Anh T, sinh năm 1960 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1982; nhỏ nhất sinh năm 1988); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 04-11-1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng về tội đánh bạc, đã được xóa án tích. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo đều có mặt.

- Bị hại:

1/ Bùi Văn T, sinh năm 2005; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Thị Ái C, sinh năm 1970; trú tại: Số 784 đường P, khối phố 2, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (là mẹ ruột). Bà Liễu có mặt.

2/ Phạm Công T, sinh năm 1998; trú tại thôn Long B, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3/ Huỳnh Thị Vy V, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2000; trú tại: Số 50 đường N, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Tấn T, sinh năm 1965 và bà Trần Thị P, sinh năm 1967; cùng trú tại: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (là cha mẹ ruột). Vắng mặt.

4/ Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2004; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1972; cùng trú tại: Thôn Phú B, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (là cha, mẹ ruột). Vắng mặt.

5/ Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 2003; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn H, sinh năm 1977 và bà Tô Thị Anh N, sinh năm 1982; cùng trú tại: Số 208 đường Trần C, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (là cha, mẹ ruột). Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người làm chứng:

1/ Phan Thanh V, sinh năm 1993; trú tại: Khối phố 2, phường Trường X, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2/ Trần Anh T, sinh năm 1960; trú tại: Số 591 đường P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phan Thanh D, sinh năm 1991; trú tại: Khối phố 2, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Người làm chứng:

1/ Nguyễn Như N, sinh năm 1988; trú tại: Khối phố 6, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2/ Bùi Ngô P, sinh năm 1964; trú tại: Số 208 đường Trần C, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

3/ Nguyễn Thị Tịnh T, sinh năm 1966; trú tại: Khối phố 11, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 06-10-2017 đến ngày 13-11-2017, trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, bị cáo Lê Nguyễn P đã 05 lần lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, trong đó 04 vụ có tài sản trị giá trên 2.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 06-10-2017, lấy 01 xe đạp điện hiệu ASAMA trị giá 2.500.000 đồng của Phạm Công T; ngày 07-11-2017, lấy 01 xe đạp điện hiệu DK BIKE trị giá

3.500.000 đồng của Huỳnh Thị Vy V; ngày 09-11-2017, lấy 01 xe đạp điện hiệu YAMAHA trị giá 7.000.000 đồng của Nguyễn Thị Thu T; ngày 11-11-2017, lấy 01 xe đạp điện hiệu ASAMA trị giá 3.000.000 đồng của Nguyễn Thị Quỳnh N. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 16.000.000 đồng. Cả 04 xe đạp điện nói trên, bị cáo P đều đem đến bán cho bị cáo Nguyễn Thị Xuân T với tổng số tiền 4.000.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Xuân T tuy biết các xe đạp điện trên là tài sản do bị cáo P lén lút chiếm đoạt mà có nhưng vẫn tiêu thụ, mua để bán lại, và đã bán được 2 chiếc thu lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Đối với lần bị cáo lén lút chiếm đoạt chiếc xe đạp trị giá 150.000 đồng của Bùi Văn T, do giá trị tài sản dưới 2.000.000đ, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, xem là tình tiết của vụ án.

Tang vật thu giữ gồm: 01 xe đạp, 02 xe đạp điện, 01 xe mô tô biển kiểm soát 92R1-5433.

Tại các bản Kết luận định giá tài sản đã kết luận tổng giá trị 04 xe đạp điện là 16.000.000 đồng, chiếc xe đạp là 150.000 đồng.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 01-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã truy tố đối với bị cáo Lê Nguyễn P về tội *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo Nguyễn Thị Xuân T về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Lê Nguyễn P mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân T từ 6 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 24 tháng; phạt bổ sung bằng tiền: từ 5 triệu đến 10 triệu đồng; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000 đồng thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Thị Xuân T, tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đ thu lợi bất chính của bị cáo Lê Nguyễn P.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi thực hiện theo như Cáo trạng của Viện kiểm sát. Các bị cáo không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản, tự nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Từ ngày 06-10-2017 đến ngày 13-11-2017, trên địa bàn thành phố Tam Kỳ, bị cáo Lê Nguyễn P đã 04 lần lén lút chiếm đoạt 04 xe đạp điện của các bị hại Phạm Công T, Huỳnh Thị Vy V, Nguyễn Thị Thu T và Nguyễn Thị Quỳnh N; tổng giá trị tài sản đã chiếm đoạt là 16.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Nguyễn P đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Bị cáo Nguyễn Thị Xuân T tuy không hứa hẹn trước, nhưng khi biết rõ các xe đạp điện do bị cáo P phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có",* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 01-3-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng pháp luật.

Ngoài ra, bị cáo P còn lén lút chiếm đoạt 01 xe đạp trị giá 150.000 đồng của Bùi Văn T, do giá trị tài sản dưới 2.000.000đ nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[3] Quyền sở hữu tài sản của mọi công dân đều được pháp luật bảo vệ và có chế tài xử phạt nghiêm minh đối với hành vi xâm phạm. Bị cáo đã từng bị xử phạt tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện, lao động chính đáng để tìm nguồn thu nhập, ngược lại vì đua đòi, tiêu xài hoang phí, lười lao động, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo đã phạm tội nhiều lần nên áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý hoang mang lo lắng cho người dân và làm ảnh hưởng đến tình hình trị an tại địa phương, nên cần xử phạt mức án tù tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội chưa bị phát hiện; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại đối với tài sản không thu hồi được; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt tù.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Xuân T đã xâm phạm quy định của Nhà nước về an toàn, trật tự công cộng, gián tiếp tạo điều kiện các loại tội phạm chiếm đoạt có cơ hội phát sinh. Bị cáo tiêu thụ tài sản bất hợp pháp nhiều lần nên cần áp

dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo. Song xét, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sức khỏe của bị cáo không ổn định; bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; đồng thời xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, được xem chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục, là phù hợp. Ngoài hình phạt chính, xét cần phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để tăng tính răn đe.

[4] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và những vấn đề liên quan trong vụ án:

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, được bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

- *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*

Cơ quan điều tra đã thu hồi, trả lại cho bị hại 01 xe đạp, 02 xe đạp điện; riêng 02 xe đạp điện ASAMA bị cáo Nguyễn Thị Xuân T đã bán cho người khác không rõ lai lịch nên không thu hồi được.

Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 92R1-5433, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phan Thanh D là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo Nguyễn Thị Xuân T đã thu lợi bất chính, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 2.000.000đ mà bị cáo P đã nhận từ bị cáo T khi bán 2 chiếc xe vào ngày 07 và 09-11-2017, đây là khoản thu lợi bất chính, nên cần tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách nhà nước.

- *Những vấn đề liên quan trong vụ án:*

Đối với Phan Thanh V, bị cáo P khai có sự tham gia của V trong 02 lần phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, V không thừa nhận cùng bị cáo P thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, V chỉ thừa nhận 01 lần chở bị cáo P đi, nhưng V nghĩ là chở bị cáo P đi mượn tiền, không biết là đi trộm cắp tài sản, V cũng không nhìn thấy bị cáo P lấy tài sản, mà đã bỏ về trước đó. Các phiên đối chất và tại phiên tòa cũng không làm rõ được hành vi của V có liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng đắn.

Đối với Trần Anh T (là chồng bị cáo T) có 01 lần biết bị cáo Thu tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, nhưng không tham gia và có hành vi can ngăn, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Phan Thanh D cho V mượn xe, V dùng xe chở bị cáo P đi nhưng không biết bị cáo P phạm tội, nên không đề cập xử lý đối với D.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Nguyễn P phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn P 18 *(Mười tám)* tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam (ngày 16-11-2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Xuân T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân T 06 *(Sáu)* tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 *(Mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Thị Xuân T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 5 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Xuân T 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 3.000.000đ *(Ba triệu đồng)* thu lợi bất chính của bị cáo Nguyễn Thị Xuân T *(Số tiền này đang được tạm giữ tại Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ).*

- Tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* thu lợi bất chính của bị cáo Lê Nguyễn P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo Lê Nguyễn P không thi hành khoản tiền truy thu, bị cáo Nguyễn Thị Xuân T không thi hành khoản tiền phạt bổ sung thì hàng tháng phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Các bị cáo Lê Nguyễn P và Nguyễn Thị Xuân T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Thị Xuân T)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Tòa án tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố;
- Phòng PV27 Công an tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

Đặng Quốc Lộc